

Bản án số: 33/2018/HS-ST

Ngày: 23/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Nguyễn Tấn Thúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa có: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2018/HSTT ngày 13 tháng 04 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24A/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 05 năm 2018 đối với bị cáo:

GIÁP THANH H (Tên gọi khác là B), sinh ngày: 02/01/1979; nơi ĐKNKTT: phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 07/12; con ông Giáp Thanh H và bà Nguyễn Thị C, vợ Nguyễn Thị Hoàng T, bị cáo có 2 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chi cục thuế quận C, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Công ty TNHH TM & DV T. Đại diện theo pháp luật : ông Giáp Thanh H – Giám đốc. Cùng địa chỉ: phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Công ty TNHH MTV N. Địa chỉ: quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Công ty TNHH xây dựng P. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mai L, sinh năm: 1969 – Giám đốc công ty. Cùng địa chỉ: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng

- Công ty TNHH TM& DV P. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1983 – Giám đốc công ty. Cùng địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Công ty TNHH N. Người đại diện theo pháp luật: bà Phạm Thị Bích T, sinh năm: 1989 – Giám đốc công ty. Cùng địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Công ty TNHH A. Địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Mậu B, sinh năm: 1984 – Giám đốc công ty. Địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

- Công ty cổ phần P. Địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Trường K, sinh năm: 1973 – Chủ tịch hội đồng quản trị. Địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng

- Công ty TNHH MTV & TM T. Địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1974 – Giám đốc. Địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng

- Công ty TNHH Đ. Địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Phương H, sinh năm: 1976 – Giám đốc. Địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng

- Công ty CP xây dựng L. Địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Anh K, sinh năm: 1972 – Chủ tịch HĐQT. Địa chỉ: đường H, thành phố Đà Nẵng

- Công ty TNHH Đ. Địa chỉ: đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Quang K, sinh năm: 1974 – Giám đốc. Địa chỉ: Tổ 40, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng

- Công ty cổ phần Đ. Địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Anh V, sinh năm: 1966 – Giám đốc. Địa chỉ: đường T, thành phố Đà Nẵng

- Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Đ. Địa chỉ: xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Đức H, sinh năm: 1960 – Giám đốc. Địa chỉ: đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng

- Công ty TNHH XD & DV vận tải S. Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn S, sinh năm: 1964 – Giám đốc. Địa chỉ: xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng

- Công ty TNHH NTV Đ. Địa chỉ: phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1975 – Chủ tịch công ty. Địa chỉ: phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Công ty TNHH V. Địa chỉ: phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1972 – Giám đốc. Địa chỉ: phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị Tâm H, sinh năm: 1983. Địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Nguyễn Tăng C, sinh năm: 1984. Địa chỉ: xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1984. Địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Nguyễn Phước S, sinh năm: 1984. Địa chỉ: xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

(Tất cả người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua việc điều tra, truy tố, xét xử đối với 02 vụ án “Mua bán trái phép hoá đơn” do Nguyễn Phương T cùng đồng bọn thực hiện trên địa bàn quận H và Trần Thị T cùng đồng bọn thực hiện trên địa bàn quận T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã xác định, quá trình điều hành hoạt động kinh doanh các công ty TNHH TM&DV T (viết tắt là Cty T) và công ty TNHH MTV N (viết tắt là Cty N), Giáp Thanh H đã chỉ đạo cho kế toán Nguyễn Thị Tâm H mua 139 tờ hoá đơn GTGT không (không có hàng hóa kèm theo) từ công ty TNHH MTV T, công ty TNHH MTV xây dựng A, công ty TNHH MTV L và công ty TNHH Thương mại dịch vụ T.

Toàn bộ số hóa đơn trên, một phần, H dùng để hợp thức chứng từ cho nguồn nguyên vật liệu H mua trôi nổi không có hoá đơn ngoài thị trường tự do; phần còn lại H dùng để hợp thức doanh số đầu vào đối với những hóa đơn GTGT H đã xuất không cho một số doanh nghiệp khác để thu lợi bất chính từ 02 Cty T và Cty N của H. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2014 đến đầu tháng 12/2015, Giáp Thanh H đã xuất không hoá đơn GTGT của 02 Cty T và Cty N cho các doanh nghiệp sau:

1. Công ty TNHH xây dựng P

Năm 2015, ông Nguyễn Mai L - Giám đốc công ty, có liên hệ một đội thợ đến công trình sửa chữa một số xe chuyên dụng. Do đội thợ không cung cấp được hoá đơn nên ông L chỉ đạo kế toán Nguyễn Thị Bích N tìm mua hóa đơn để hợp thức chứng từ. Thông qua giới thiệu của Nguyễn Thị H và Lê Thị Minh D (sinh năm 1972, trú Phường T, quận H, Đà Nẵng), N đã mua **09** hóa đơn của Cty T, doanh số chưa thuế 146.287.000 đồng và 13 hóa đơn Cty N, doanh số chưa thuế 210.380.000 đồng với giá 11,5% trên doanh số mỗi tờ hoá đơn. Giáp Thanh H thu phí bán hóa đơn số tiền 41.010.000 đồng.

2. Công ty TNHH TM&DV P

Trong năm 2014 và 2015, một số tài xế của công ty này có giao xe cho Nguyễn Tăng C (sinh năm 1984, trú xã D, huyện D, Quảng Nam) sửa chữa. Để hợp thức chứng từ thanh toán, C nhờ H xuất 01 hoá đơn của công ty T với doanh số chưa thuế 6.175.000 đồng và 02 hóa đơn của Cty N với doanh số chưa thuế 10.310.000 đồng cho Cty TNHH P. Giáp Thanh H thu phí bán hoá đơn là 1.648.500 đồng.

3. Công ty TNHH N

Khoảng đầu tháng 11/2015, tài xế của công ty này là Nguyễn Văn C (sinh năm 1976, trú phường H, quận C) thuê Nguyễn Tăng C (có lai lịch như đã nêu trên) sửa một số xe cho công ty. Để hợp thức chứng từ thanh toán, C nhờ H xuất 02 hóa đơn của Cty T với doanh số chưa thuế 22.200.000 đồng cho công ty N. H thu phí bán hóa đơn là 2.220.000 đồng.

4. Công ty TNHH A

Khoảng đầu tháng 11/2015, tài xế của công ty giao xe của công ty cho Nguyễn Tăng C (có lai lịch như đã nêu trên) sửa chữa. Đề hợp thức chứng từ thanh toán, C nhờ H xuất 01 hóa đơn của Cty T với doanh số chưa thuế 16.200.000 đồng cho công ty A. H thu phí bán hóa đơn là 1.620.000 đồng.

5. Công ty Cổ Phần P

Từ tháng 12/2014 đến tháng 04/2015, công ty này có thuê Nguyễn Tăng C (có lai lịch như đã nêu trên) sửa chữa một số xe ô tô. Đề hợp thức chứng từ thanh toán, C nhờ H xuất 04 hóa đơn của Cty T, doanh số chưa thuế 12.765.000 đồng cho Công ty Cổ Phần P. H thu phí bán hóa đơn là 1.276.500 đồng.

6. Công ty TNHH MTV Đ

Năm 2014 và 2015, ông Huỳnh T (sinh năm 1971, xã H, huyện H, Đà Nẵng) là quản lý xe của công ty liên hệ Nguyễn Thanh T (*Sinh năm: 1984; phường H, quận C*) sửa chữa một số xe tải. Đề hợp thức chứng từ thanh toán, T nhờ H xuất 04 hóa đơn của Cty T, doanh số chưa thuế 12.080.000 đồng và 02 hóa đơn của Cty N, doanh số chưa thuế 9.370.000 đồng cho Công ty Đ. H thu phí bán hóa đơn là 2.145.000 đồng.

7. Công ty TNHH MTV XD&TM T

Đầu tháng 9/2015, ông Nguyễn Văn D (sinh năm 1974, trú phường A, quận T, Đà Nẵng) - giám đốc công ty có thuê Nguyễn Thanh T (có nhân thân lai lịch như trên) sửa chữa xe ô tô cho công ty. Đề hợp thức chứng từ thanh toán, T nhờ H xuất 01 hóa đơn của Cty T, doanh số chưa thuế 17.610.000 đồng cho công ty T. H thu phí bán hóa đơn là 1.761.000 đồng.

8. Cty CP xây dựng L

Trong năm 2014 và 2015, ông Phan Quang T (trú phường N, quận H, Đà Nẵng) là quản lý xe của công ty, thuê Nguyễn Phước S (*sinh năm 1984; trú tại xã D, huyện D, Quảng Nam*) sửa chữa một số xe ben. Đề hợp thức chứng từ thanh toán, S nhờ Giáp Thanh H xuất **02** hóa đơn của Cty T, doanh số chưa thuế 17.974.000 đồng và 06 hóa đơn của Cty N, doanh số chưa thuế 47.302.727 đồng cho Công ty L. H thu phí bán hóa đơn 6.527.673 đồng.

9. Công ty TNHH Đ

Cuối tháng 10/2015, ông Phan Quang T - Phó giám đốc công ty (đồng thời là người quản lý xe của công ty L) thuê Nguyễn Phước S (có lai lịch như đã nêu trên) sửa một số xe tải cho công ty Đ. Đề hợp thức chứng từ thanh toán, S nhờ H xuất 04 hóa đơn của Cty N, doanh số chưa thuế 71.600.000 đồng cho Cty TNHH Đ. H thu phí bán hóa đơn là 7.160.000 đồng.

10. Công ty Cổ phần H

Cuối năm 2015, ông Phan Quang T (đồng thời là người quản lý xe của công ty L), thuê Nguyễn Phước S (có lai lịch như đã nêu trên) sửa chữa xe tải cho công ty H. Đề hợp thức chứng từ thanh toán, S nhờ H xuất **03** hóa đơn của Cty N, doanh số chưa thuế 41.040.000 đồng cho công ty Cổ phần H. H thu phí bán hóa đơn là 4.104.000 đồng.

11. Công ty CP đầu tư và xây dựng P

Năm 2014, Công ty có thuê thợ máy hoạt động tự do (không rõ lai lịch) sửa chữa xe tại công trình. Sau đó, người này sử dụng 06 hóa đơn Cty T, doanh số chưa thuế 103.800.000 đồng để hợp thức thanh toán chi phí sửa xe với công ty. Giáp Thanh H thu phí bán hóa đơn là 10.380.000 đồng.

12. Công ty TNHH XD&DV vận tải S

Tháng 7 và 8/2015, Công ty có thuê 01 đội thợ tự do (không rõ lai lịch) đến bãi xe để sửa chữa một số xe ben. Sau đó, đội thợ này sử dụng 07 hóa đơn Cty N, doanh số chưa thuế 241.800.000 đồng để hợp thức thanh toán chi phí sửa xe với công ty. Giáp Thanh H thu phí bán hóa đơn là 24.180.000 đồng.

13. Công ty TNHH MTV Đ

Năm 2015, Trần Văn H - nhân viên công ty này có liên hệ với một gara (không rõ tên, địa chỉ) trên đường X, phường K, quận C để sửa chữa xe cho công ty. Khi hoàn thành việc sửa chữa, Cty thanh toán tiền thì được kế toán của gara cung cấp 04 tờ hóa đơn Cty N, doanh số chưa thuế 185.546.000 đồng. Giáp Thanh H thu phí bán hóa đơn là 18.554.600 đồng.

14. Công ty TNHH V

Tháng 4/2014, công ty kê khai thuế đầu vào đối với 01 hóa đơn Cty T, doanh số chưa thuế 100.200.000 đồng. H thu phí hóa đơn là 10.020.000 đồng.

Qua xác minh tình trạng đăng ký kinh doanh và kê khai thuế của 02 công ty tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ, xác định:

Ngày 24/7/2009, ông Giáp Thanh H cùng H góp vốn thành lập Công ty TNHH TM&DV T, do ông Hoàng là giám đốc - đại diện pháp luật, có trụ sở tại K58/68 Ông Ích Khiêm theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0401290666 do Sở KH&ĐT TP Đà Nẵng cấp ngày 03/8/2009. Công ty T kê khai thuế tại Chi cục Thuế Quận Cẩm Lệ từ tháng 01/2012 - Quý 3/2015.

Thực tế, ông H chỉ quản lý công ty đến cuối tháng 12/2013 thì ủy quyền lại cho Giáp Thanh H điều hành hoạt động. Đến tháng 04/2014, do công ty T còn nợ thuế và bị cơ quan Thuế tạm ngừng việc xuất hóa đơn nên Giáp Thanh H thành lập thêm Cty TNHH MTV N nhằm vừa để xuất hóa đơn thay cho Cty T, vừa để mở rộng hoạt động kinh doanh và vừa để thuận lợi cho việc xuất bán hóa đơn cho các doanh nghiệp khác.

Công ty N được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0401595996 do Sở KH&ĐT TP Đà Nẵng cấp ngày 10/4/2014 có trụ sở tại Phường K, quận C. Cty N kê khai thuế tại Chi cục Thuế Quận Cẩm Lệ từ tháng 4/2014 - Quý 3/2015.

Đến cuối năm 2015, nhận thấy hành vi mua bán hóa đơn của 02 công ty T và N bị phát hiện nên Giáp Thanh H làm thủ tục chuyển địa điểm kinh doanh công ty T sang địa chỉ phường A, quận S, Tp. Đà Nẵng và chuyển địa chỉ công ty N sang phường A, quận S nhưng không làm thủ tục kê khai thuế của cả 02 công ty tại Chi cục Thuế quận S để trốn tránh trách nhiệm.

Ngày 28/03/2016, Chi cục Thuế Quận S có Thông báo số 867/TB-CCT về việc Cty N bỏ địa chỉ kinh doanh. Ngày 07/07/2016, Chi cục Thuế Quận C có Quyết định số 1712/QĐ-CCT cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn Cty T không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d, đ khoản 2 khoản 3 Điều 164a; khoản 2 Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Giáp Thanh H từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Xử phạt bổ sung hình phạt tiền đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an quận Cẩm Lệ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm:

Tại phiên tòa, bị cáo Giáp Thanh H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2014 đến đầu tháng 12/2015, bằng việc mua 139 tờ hoá đơn giá trị gia tăng không (không có hàng hóa kèm theo) từ công ty TNHH MTV T, công ty TNHH MTV xây dựng A, công ty TNHH MTV T và công ty TNHH Thương mại dịch vụ T để kê khai khống giá trị hàng hoá đầu vào cho công ty T và công ty N, Giáp Thanh H đã xuất bán tổng cộng 72 tờ hoá đơn giá trị gia tăng có ghi nội dung, nhưng không có hàng hoá kèm theo cho 14 doanh nghiệp khác nhau, thu lợi bất chính số tiền 132.607.273 đồng (*một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng*). Do đó, Cáo trạng cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa đã truy tố về tội danh và điều khoản nêu trên đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Giáp Thanh H là người thành lập công ty N giữ chức vụ giám đốc và cũng là người điều hành hoạt động của công ty T từ tháng 04/2014. Hai công ty này hoạt động sửa chữa xe ô tô. Hành vi của bị cáo H là sử dụng hóa đơn khống hợp thức chứng từ cho nguồn nguyên vật liệu H mua trôi nổi không có hoá đơn ngoài thị trường tự do và hợp thức doanh số đầu vào không có thật cho công ty T và công ty N. Sau đó, bị cáo đã xuất khống hàng hóa đầu ra thông qua việc bán hóa đơn giá trị gia tăng có ghi nội dung, nhưng không có hàng hóa kèm theo cho 14 doanh nghiệp, thu lợi bất chính số tiền 132.607.273 đồng. Đây là hành vi cố ý vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế với mục đích vụ lợi, bị cáo bán hóa đơn có số lượng lớn và thu lợi bất chính số tiền 132.607.273 đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm d, đ khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm trật tự quản lý bình thường của nhà nước, xâm phạm đến các quan hệ xã hội bảo đảm sự ổn định và phát triển nền kinh tế quốc dân nên cần phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự nguyện khắc phục một nửa số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn. Bị cáo đang nuôi 2 con nhỏ, gia đình gặp khó khăn. Do đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 đối với bị cáo để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng cho nên chấp nhận theo ý kiến của Viện Kiểm Sát, áp dụng Điều 65 BLHS năm 2015 xử phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo.

Đối với hình phạt bổ sung: Chấp nhận ý kiến của Viện Kiểm Sát, áp dụng Điều 30, khoản 3 Điều 164a BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

[4] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 132.607.273 đ H thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn trái phép, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Hiếu đã nộp số tiền 67.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, bị cáo còn phải tiếp tục nộp số tiền thu lợi bất chính là 65.607.273 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, xử lý như sau:

Đối với tang vật gồm 01 con dấu của công ty T và 01 con dấu của công ty N mà H đã giao nộp tại cơ quan điều tra, xét thấy đây là các công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 14 doanh nghiệp có hành vi mua trái phép hóa đơn nêu trên nhằm hợp thức chi phí đầu vào nên Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ đã chuyển toàn bộ tài liệu liên quan cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp để xem xét xử lý theo quy định.

Đối với Nguyễn Thị Tâm H, là người trực tiếp ghi và xuất các hóa đơn để H bán trái phép đồng thời là người trực tiếp đi mua các hóa đơn để hợp thức doanh số đầu vào. Tuy H có biết việc H xuất nâng khống hóa đơn cho một vài doanh nghiệp

nhưng không biết rõ đó là hành vi bán trái phép hóa đơn. Bên cạnh đó, H chỉ làm theo sự chỉ đạo của H và không biết rõ các hoá đơn này có phát sinh từ hoạt động kinh doanh thực tế hay không, nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H là có cơ sở nên HĐXX không đề cập đến.

Đối với hành vi mua bán trái phép 139 hóa đơn để kê khai thuế đầu vào cho công ty T và N của Nguyễn Thị Tâm H và các đối tượng liên quan đã được giải quyết tại Bản án số 09/2017/HSST ngày 11/01/2017 của TAND quận T và bản án số 97/2017/HSST ngày 22/11/2017 của TAND quận H nên HĐXX không đề cập đến.

Đối với Nguyễn Tăng C, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Phước S, là thợ sửa chữa tự do, có sử dụng các hoá đơn của Cty T và Cty N để hợp thức thanh toán cho khách hàng. Tuy nhiên hành vi của những người này có mức độ nên không xem xét xử lý nên HĐXX không đề cập đến.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ 72 tờ hoá đơn bất hợp pháp (liên 2), 02 thùng hoá đơn, cùng các giấy tờ, tài liệu, chứng từ hợp thức liên quan mà Giáp Thanh H đã bán trái phép cho các doanh nghiệp. Các tài liệu này được đánh dấu bút lục và lưu hồ sơ trong vụ án.

[5] Về án phí:

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 164 a, Điều 30 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. Tuyên bố: Bị cáo Giáp Thanh H phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn”

3. Xử phạt: Bị cáo Giáp Thanh H 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nếu bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường H, quận C, Tp Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*)

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015

Tịch thu số tiền bị cáo H thu lợi bất chính là 132.607.273 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo đã nộp 67.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 6473 ngày 27/6/2018 và biên lai thu tiền số 6470 ngày 19/7/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 65.607.273 đồng.

5. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu của công ty T và 01 con dấu của công ty N.

(Các vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2018)

6. Về án phí:

Án phí HSST bị cáo phải chịu là 200.000 đ

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- CCTHADS Q. Cẩm Lệ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thu Trang

